

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT
2017



I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
 - Số 52/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2006
 - Số 120/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/02/2008 và số 337/UBCK-GPĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/06/2010 với 3 nội dung chính : (i) Thay đổi tên Công ty; (ii) Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng; (iii) Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh (Bảo lãnh phát hành chứng khoán)
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 300.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 8 phố Thiên Quang, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại: +84 4 3942 9775
- Số fax: +84 4 3942 9776
- Website: www.msgs.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hướng Việt, chính thức được thành lập vào ngày 29/12/2006 theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 52/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty có trụ sở đặt tại Số 8, Phố Thiên Quang, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Năm 2008 đánh dấu một bước ngoặt lớn trong sự phát triển của Công ty với sự tham gia 49% vốn góp của Morgan Stanley. Ngày 05/02/2008 Công ty đã chính thức nhận được giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép đổi tên Công ty thành “**Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt**”, mở rộng ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 đồng lên 300.000.000.000 đồng. Mục tiêu hàng đầu của Công ty là tạo các cơ hội đầu tư và mang lại nguồn lợi cho khách hàng cũng như các cổ đông bằng sự tư vấn chuyên nghiệp, các giải pháp mang tính đột phá, quá trình thực hiện xuất sắc và cung cấp kênh kết nối toàn diện với thị trường chứng khoán Việt Nam.

Các mốc thời gian quan trọng trong lịch sử phát triển của MSGS:

- 29/12/2006. MSGS được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số 52/UBCK-GPHĐKD với số vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng và 4 nghiệp vụ chính: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.
- 14/2/2007 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ra Quyết định số 46/QĐ-TTGDHN công nhận tư cách thành viên giao dịch.
- 14/2/2007 Được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp giấy chứng nhận thành viên Lưu ký số 53/GCNTVLK với mã thành viên lưu ký: 050.
- 28/3/2007 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM) ra quyết định số 50/QĐ-TTGDHCM công nhận tư cách thành viên giao dịch.
- 05/02/2008 Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 120/UBCK-GPĐCCTCK điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số

- 52/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006: Thay đổi tên Công ty; Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng; Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh.
- 12/03/2008 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 135/QĐ-TTGDHN công nhận Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt là thành viên tham gia đấu thầu trái phiếu chính phủ tại HNX.
 - 19/11/2008 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ra Quyết định số 452/QĐ- TTGDHN chấp thuận tham gia hệ thống giao dịch từ xa thị trường niêm yết.
 - 13/01/2009 Được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM chấp thuận tham gia hệ thống giao dịch trực tuyến.
 - 19/06/2009 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 297/QĐ-TTGDHN công nhận Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt là thành viên hệ thống đăng ký giao dịch của Sở GDCK Hà Nội (Giao dịch UPCOM).
 - 13/08/2009 Được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chấp thuận tham gia mạng kết nối Cổng giao dịch điện tử.
 - 11/09/2009 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Công văn số 1377/QĐ-TTGDHN công nhận Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt là thành viên giao dịch Trái phiếu chính phủ chuyên biệt.
 - 14/09/2010 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra công văn số 650/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt tham gia giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
 - 24/11/2010 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra công văn số 911/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt được tham gia giao dịch trực tuyến thị trường đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
 - 11/06/2012 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra công văn số 427/TB-SGDHN chấp thuận cho Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt được trở thành thành viên của Hệ thống Quản lý Thông tin Công ty (CIMS).
 - 05/09/2013 Thiết lập kết nối Ngân hàng với BIDV nhằm quản lý tách biệt tiền gửi để giao dịch chứng khoán của khách hàng, đáp ứng yêu cầu của Thông tư 210/2012/TT-BTC
 - 27/12/2014 Cập nhật và thử nghiệm hệ thống giao dịch nhằm chuẩn bị cho giao dịch các sản phẩm mới: ETF, Hợp đồng tương lai trái phiếu... theo yêu cầu của hai Sở.
 - 15/1/2015 Cập nhật và thử nghiệm hệ thống giao dịch nhằm triển khai gia nhập Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý công ty chứng khoán theo yêu cầu của Ủy ban.
 - 4/2017 Chạy thử nghiệm và nâng cấp hệ thống giao dịch theo yêu cầu của

Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM để áp dụng sản phẩm mới Chứng quyền vào năm 2018.

➤ 07/12/2017

Ký hợp đồng với Navisoft để thực hiện kết nối trực tuyến với VSD, hiện đang trong quá trình thử nghiệm và sẽ đi vào triển khai thực tế trong năm 2018.

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

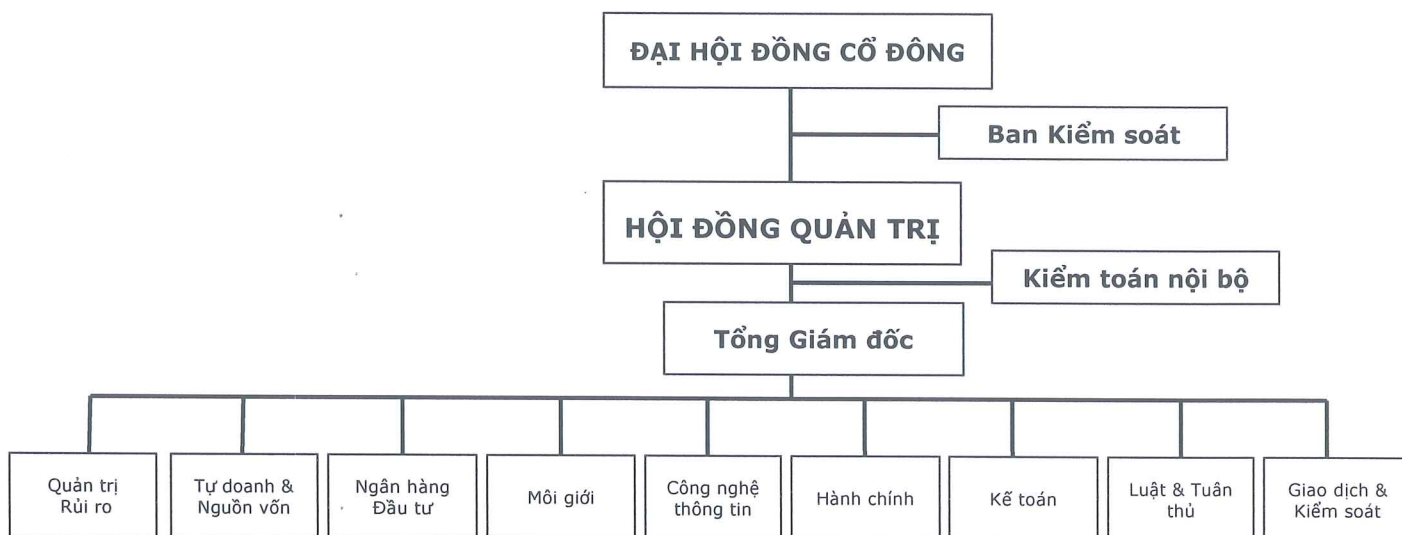
- Ngành nghề kinh doanh: Công ty được phép hoạt động các ngành nghề sau: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Bảo lãnh phát hành và Tư vấn đầu tư, tài chính, trong đó mảng Tư vấn đầu tư được chú trọng phát triển.

- Địa bàn kinh doanh: Không hạn chế địa bàn, phụ thuộc vào địa bàn của đối tác kinh doanh.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

Hiện tại Công ty không thành lập công ty con và cũng không góp vốn vào bất kì công ty liên kết nào.

Cơ cấu bộ máy quản lý:



5. *Định hướng phát triển*

Với tầm nhìn chiến lược dài hạn, cũng như theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, ban lãnh đạo MSGS luôn tập trung vào việc nâng cao và phát triển những yếu tố nội tại bằng cách tập trung đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên và phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ cho các khách hàng.

Công ty xác định sứ mệnh của mình trước mắt như sau:

- ✓ Tăng cường lợi ích bền vững cho các khách hàng và các cổ đông;
- ✓ Trở thành nơi làm việc được lựa chọn hàng đầu, ngôi nhà thứ hai của các tài năng;
- ✓ Áp dụng thực tiễn quản lý tốt nhất và cách thức quản trị tiêu chuẩn quốc tế;
- ✓ Là cầu nối giữa các nhà đầu tư nước ngoài và thị trường tài chính Việt Nam; giữa các doanh nghiệp Việt Nam và thị trường vốn quốc tế.

Để hiện thực hóa sứ mệnh, Công ty sẽ tập trung phát triển các lợi thế cạnh tranh cốt lõi sau:

- ✓ Tập trung sử dụng hiệu quả các mối quan hệ và sự hỗ trợ từ các cổ đông chiến

lược;

- ✓ Tập trung phát triển các dịch vụ tài chính; đặc biệt là các mảng dịch vụ tư vấn (Advisory), mua bán sáp nhập (M&As), đối tác chiến lược, phát hành và niêm yết cổ phiếu và trái phiếu ra các thị trường tài chính trong nước và quốc tế;
- ✓ Phát triển dịch vụ Môi giới cho khách hàng tổ chức nước ngoài;
- ✓ Áp dụng các quy trình và chính sách hoạt động theo tiêu chuẩn quốc tế;

Trong dài hạn, MSGS định hướng một số chiến lược phát triển chính như sau:

- ✓ Định hướng phát triển MSGS thành định chế tài chính đa năng;
- ✓ Từng bước tăng cường năng lực tài chính để tạo sức mạnh cạnh tranh;
- ✓ Tăng cường chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài;
- ✓ Áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến, tăng cường công tác quản lý rủi ro;
- ✓ Xây dựng và duy trì hình ảnh, thương hiệu MSGS;
- ✓ Đảm bảo hoạt động ổn định và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra;
- ✓ Đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin.

6. Các rủi ro

Rủi ro hoạt động kinh doanh của Công ty được theo dõi và đánh giá bởi bộ phận Quản trị rủi ro hàng quý. Qua báo cáo Quản trị rủi ro, các chỉ số cũng như những nhận định về rủi ro có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của công ty được phân tích và cập nhật kịp thời. Hiện nay, hoạt động kinh doanh của công ty vẫn được duy trì ổn định với các yếu tố rủi ro được đánh giá ở mức thấp.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Năm 2017, Công ty ghi nhận lãi 252.822.973 đồng. Công ty tiếp tục duy trì được bộ máy quản lý điều hành và các bộ phận nghiệp vụ với những thành viên có năng lực chuyên môn cao.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Về nhân sự: Trong năm 2017 nhân sự của Công ty giảm xuống còn 21 nhân viên (năm 2016 là 23 nhân viên), tuy nhiên Công ty vẫn duy trì môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động với các nhân sự có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm.
- Về cơ sở vật chất: Trong năm 2017, Công ty tiếp tục duy trì và vận hành Hệ thống quản lý thông tin công ty chứng khoán theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán, đáp ứng những quy định mới trong hệ thống giám sát của HNX.
- Về kinh doanh: Thực hiện mục tiêu chiến lược là tìm kiếm cơ hội kinh doanh trong mảng Tư vấn đầu tư, mua bán sáp nhập, bộ phận Tư vấn của Công ty đã tiếp tục nỗ lực mở rộng các giao dịch tiềm năng trong các ngành mới.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

• Thành phần Hội đồng Quản trị:

- Ông Ronald Ong: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Bà Tô Minh Hương: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Bà Nguyễn Thị Nhung: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Ông James Hedley Bidlake: Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 20/03/2017
- Ông Kapil Trikha: Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 20/03/2017

• Ban Kiểm soát

- Ông Ravi Harish Vazirani: Thành viên Ban Kiểm soát đến ngày 20/03/2017
- Bà Đặng Linh Giang: Thành viên Ban Kiểm soát
- Bà Bùi Mỹ Hạnh: Thành viên Ban Kiểm soát
- Ông David Wai Chang Liu: Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 20/03/2017

• Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Điều hành

<p>Ronald Whatt Soon Ong</p> <p><i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i></p> <p><i>Đại diện Morgan Stanley</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ông Ronald Whatt Soon Ong là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt. ▪ Ông Ronald Ong hiện đang là Giám đốc điều hành, Chủ tịch và Tổng Giám đốc Morgan Stanley khu vực Đông Nam Á. ▪ Ông Ronald Ong gia nhập tập đoàn Morgan Stanley từ năm 1995. Từ năm 1995 đến nay, Ông đã giữ nhiều vị trí quan trọng của tập đoàn Morgan Stanley như Giám đốc điều hành, trưởng bộ phận Ngân hàng Đầu tư của Morgan Stanley (Singapore) và Tổng Giám đốc của Morgan Stanley khu vực Đông Nam Á. ▪ Ông Ronald Ong có bằng cử nhân quản trị kinh doanh của trường đại học Quốc gia Singapore.
<p>Bà Tô Minh Hương</p> <p><i>Tổng Giám đốc</i></p> <p><i>Cố đồng sáng lập</i></p> <p><i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đồng sáng lập viên, kiêm Tổng Giám đốc và Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGGS). ▪ Trước khi đến với MSGGS, Bà từng là Đồng sự (Partner) và Giám đốc Đầu tư (CIO) tại Vietnam Partners LLC, phụ trách về các vấn đề về đầu tư và quản lý danh mục đầu tư từ năm 2005 đến 2007. Bà cũng là thành viên chủ chốt tham gia thành lập Công ty Quản lý Quỹ BIDV - Vietnam Partners (BVIM) và

	<p>Quỹ Đầu tư Việt Nam I.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Từ năm 2003 đến 2004, Bà là Trưởng nhóm Xây dựng Mô hình Quản lý Rủi ro Tín dụng Doanh nghiệp (Dự án Basel II)- Bộ phận Quản lý Rủi ro – Ngân hàng Tây Úc, Ngân hàng Halifax Bank of Scotland Australia. ▪ Bà cũng là Giảng viên về Tài chính tại Trường Đại học Tây Úc từ tháng 06 năm 2002 đến tháng 12 năm 2003. ▪ Bà từng làm việc tại Bộ phận Ngân hàng Doanh nghiệp (Corporate Banking) tại Citibank N.A. – Chi nhánh Hà Nội trong thời gian từ năm 1997 – 1998 – đặc biệt liên quan đến khách hàng tổ chức, tài chính thương mại và tài chính dự án. ▪ Bà có viết nhiều bài báo chuyên ngành được đăng tại các tạp chí quốc tế nổi tiếng như <i>Journal of Credit Risk</i>, <i>Journal of International Financial Markets, Institutions, and Money</i>, và các báo cáo tại nhiều hội thảo chuyên ngành khác.
<p>Nguyễn Thị Nhung</p> <p><i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i></p> <p><i>Đại diện Công ty Thanh Ba</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Bà Nguyễn Thị Nhung là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGGS). ▪ Bà Nhung từ năm 1994-1996 giữ nhiệm vụ Trợ lý Giám đốc tại Elysee Investissement và từ năm 1996 đến nay là Đồng sáng lập viên Công ty OPENASIA. ▪ Bà Nhung có bằng cử nhân (Chuyên ngành Tiếng Pháp) của trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội; là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Trung tâm Quản lý & Đào tạo Pháp Việt CFVG và là Thạc sĩ Quản lý Dự án Quốc tế của Trường Đại học Thương mại Paris ESCP.
<p>James Hedley Bidlake</p> <p><i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ông James Hedley Bidlake là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGGS) đến ngày 20 tháng 3 năm 2007. ▪ Ông James Bidlake gia nhập tập đoàn Morgan Stanley từ năm 2004 với tư cách là luật sư của bộ phận Ngân hàng Đầu tư. ▪ Ông James Bidlake đã từng làm việc cho Toà án Tối cao của Anh Quốc và xứ Wales cũng như Toà án Dân sự Tối cao của Hồng Kông và có bằng cao học chuyên ngành luật của Đại học Luật, Guilford, Hoa Kỳ
<p>Kapil Trikha</p> <p><i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ông Kapil Trikha là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGGS) từ ngày 20 tháng 3 năm 2007. ▪ Ông Kapil Trikha gia nhập tập đoàn Morgan Stanley từ năm 1997 và hiện đang là Tổng giám đốc hoạt động, khu vực Đông

	<p>Nam Á và Ấn Độ.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Ông Kapil Trikha có bằng Cử nhân Thương mại của trường Đại học Delhi và có các chứng chỉ về Kế toán chi phí và Thư ký Công ty.
--	---

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Trong năm 2017 có sự thay đổi nhân sự liên quan tới các chức danh Thành viên Hội đồng Quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát, đã được thông qua vào cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông ngày 20/03/2017.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số nhân viên trong năm 2017 là 21 người. Các chính sách chủ yếu về nhân sự:

- **Chính sách tuyển dụng và đào tạo**

- **Chính sách tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được các nhân sự có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp làm việc tại Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các nhân sự đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học, cao học chuyên ngành có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập, trình độ về ngoại ngữ và tin học.
- **Chính sách thu hút nhân tài:** Công ty dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.
- **Chính sách đào tạo:** Công ty chú trọng vào việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho CBCNV thông qua việc thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

- **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

- **Chính sách lương:** Chính sách lương của Công ty bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. CBCNV trong Công ty ngoài việc được hưởng lương tháng theo bậc lương cơ bản còn được hưởng lương công việc theo bằng cấp, khả năng và hiệu quả công việc.
- **Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên CBCNV, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

- **Các chính sách khác**

- **Chính sách bảo hiểm:** Toàn bộ nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chính sách về Bảo hiểm Xã hội và Bảo hiểm Y tế theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra Công ty còn tổ chức chương trình khám sức khỏe định kỳ và tham gia chương trình bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và tai nạn cá nhân cho toàn thể CBCNV và người thân (bao gồm vợ, chồng, con..) được khám, chữa bệnh miễn phí trong các hệ thống

bệnh viện trong nước và quốc tế.

- **Chính sách khác:** Công ty đã hỗ trợ cán bộ nhân viên thi chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, tổ chức thăm hỏi, hiếu hỉ, tổ chức tặng quà nhân dịp sinh nhật, các ngày lễ trong năm động viên tinh thần cho CBCNV.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2017 công ty không thực hiện bất kì khoản đầu tư tài chính nào cũng như không chào bán chứng khoán để gọi vốn thực hiện dự án.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con và không góp vốn vào bất kì công ty liên kết nào.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	2016	2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	360.234.673.262	360.472.587.937	0,07
Doanh thu thuần	18.750.525.796	21.089.236.536	12,47
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.536.023.055)	252.822.973	116,46
Lợi nhuận khác	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	(1.536.023.055)	252.822.973	116,46
Lợi nhuận sau thuế	(1.536.023.055)	252.822.973	116,46

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2016
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>	x		
+ Hệ số thanh toán nhanh:		42,93	11,09
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:		290,84	299,74
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>	%		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản		0,51	0,51
+ Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản		99,49	99,49
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>	%		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản		5,85	5,21
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>	%		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		1,20	(8,19)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0,07	(0,43)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,07	(0,43)
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		1,20	(8,19)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần (Tại thời điểm lập báo cáo)

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
Tổ chức				
1	Morgan Stanley (Singapore) Holdings Pte. Ltd.	14.700.000	147.000.000.000	49%
2	Công ty TNHH Thanh Ba	9.300.000	93.000.000.000	31%
Cá nhân				
1	Bà Tô Minh Hương	6.000.000	60.000.000.000	20%
Tổng cộng		30.000.000	300.000.000.000	100%

b) Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông tổ chức: 80%, cổ đông cá nhân: 20%
- Cổ đông nước ngoài: 49%, cổ đông trong nước: 51%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2017 không có sự thay đổi nào về vốn chủ sở hữu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

- Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Trong năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 21 nhân viên

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của nhân viên

Trong năm 2017, Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế cho nhân viên, do đó nhân viên được hưởng mọi quyền lợi từ các chính sách Bảo hiểm theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra Công ty cũng tổ chức khám sức khỏe tổng quát định kỳ vào cuối năm cho nhân viên và tham gia chương trình Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cá nhân cho nhân viên và người thân.

c) Hoạt động đào tạo nhân viên

Trong năm 2017, Ban Lãnh đạo Công ty đã tiến hành các đợt huấn luyện nhằm phổ biến các quy định mới của Ủy ban Chứng khoán và các Sở có ảnh hưởng trực tiếp tới các nghiệp vụ kinh doanh cũng như bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ theo các quy định mới này.

Ngoài ra Công ty vẫn tiếp tục hỗ trợ nhân viên hoàn thành các Chứng chỉ chuyên môn, Chứng chỉ hành nghề đảm bảo cho hoạt động nghiệp vụ của các phòng ban.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2017, Công ty ghi nhận lãi 252.822.973 đồng. Công ty tiếp tục duy trì được bộ máy quản lý điều hành và các bộ phận nghiệp vụ với những thành viên có năng lực chuyên môn cao, thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ với các cơ quan quản lý cũng như với nhân viên.

Những tiến bộ công ty đã đạt được: Trong năm 2017, Công ty đã hoàn thành một số nhiệm vụ quan trọng như phát triển đội ngũ nhân sự, rà soát và cập nhật những quy trình kiểm soát và quy trình nghiệp vụ trong mọi hoạt động. Đồng thời, Công ty đã tiếp đoàn Thanh tra của Ủy

ban Chứng khoán Nhà nước vào tháng 07 năm 2017. Kết quả thanh tra: Công ty về cơ bản đã ban hành đầy đủ các quy trình nghiệp vụ, đảm bảo điều kiện duy trì cấp phép và tuân thủ các quy định về nghiệp vụ, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định.

2. Tình hình tài chính

Trong năm 2017, tổng tài sản đã tăng 0,07% so với năm 2016, tổng nợ giảm 0,81% so với năm 2016.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:* Trong năm 2017 Công ty không có thay đổi về cơ cấu tổ chức và các chính sách quản lý

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:* Trong năm 2018, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục:

- Tập trung phát triển dịch vụ Tư vấn
- Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin
- Đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên
- Phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ cho nhà đầu tư.
- Xây dựng và duy trì hình ảnh, thương hiệu MSGS

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):* N/a

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

Trong năm 2017, Công ty không vi phạm luật pháp và các quy định chung gây ảnh hưởng tới cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:*

Trong năm 2017, toàn thể nhân viên đã nỗ lực để duy trì tốt các hoạt động kinh doanh và đảm bảo một môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Về cơ sở vật chất, Công ty đã duy trì hệ thống giao dịch ở mức ổn định, giảm thiểu rủi ro trong các giao dịch với khách hàng, đáp ứng các yêu cầu mới từ Ủy ban và các Sở giao dịch.

Công ty chấp hành nghiêm túc các chính sách về hoạt động theo yêu cầu của các cơ quan quản lý cũng như các quy định chung đảm bảo sự ổn định của cộng đồng tại địa phương.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Trong năm 2017, Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực duy trì hoạt động kinh doanh của công ty ở mức ổn định, theo dõi sát sao và kịp thời các rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới các hoạt động của công ty, nhằm xây dựng và duy trì hình ảnh tích cực của Công ty.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Trong năm 2018, Công ty sẽ tiếp tục tập trung kiện toàn bộ máy nhân sự và xây dựng cơ sở hạ tầng, các chính sách tuân thủ, quy trình nghiệp vụ để tạo nền móng cho sự phát triển trong tương lai.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements***1. Ý kiến kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Văn phòng Hà Nội: Tầng 12A, toà nhà Vinaconex- 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà nội

Tel: +84 4 6288 3568

Fax: +84 4 62885678

Kính gửi: **Các cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 23, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Cuộc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành cho mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính theo luật định. Các thông tin bổ sung từ trang 15 đến trang 34 chỉ nhằm cung cấp thêm thông tin mà không phải là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính theo luật định. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập những thông tin này. Những thông tin bổ sung này không thuộc đối tượng của các thủ tục kiểm toán mà chúng tôi áp dụng trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính theo luật định, và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các thông tin bổ sung này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		359.141.487.227	358.830.682.934
I. Tài sản tài chính	110		358.099.703.210	357.816.660.863
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4	39.282.139.897	468.112.030
1.1. Tiền	111.1		325.739.897	468.112.030
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		38.956.400.000	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	6.1	2.612.048.750	2.602.629.950
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	6.2	306.128.545.777	345.548.449.167
4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính	116	6.4	(2.462.914.190)	(2.420.674.590)
5. Các khoản phải thu	117		12.426.132.976	11.609.084.306
5.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	6.3	12.426.132.976	11.609.084.306
5.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		12.426.132.976	11.609.084.306
6. Trả trước cho người bán	118	6.3	113.750.000	-
7. Các khoản phải thu khác	122	6.3	-	9.060.000
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		1.041.784.017	1.014.022.071
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7	886.962.732	859.200.786
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		154.821.285	154.821.285
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	200		1.331.100.710	1.403.990.328
I. Tài sản cố định	220		162.095.554	270.533.074
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	97.884.160	171.297.280
- Nguyên giá	222		5.798.954.502	5.798.954.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(5.701.070.342)	(5.627.657.222)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	64.211.394	99.235.794
- Nguyên giá	228		3.000.968.383	3.000.968.383
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(2.936.756.989)	(2.901.732.589)
II. Tài sản dài hạn khác	250		1.169.005.156	1.133.457.254
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		512.150.000	512.150.000
2. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	8	656.855.156	621.307.254
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		360.472.587.937	360.234.673.262

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+340)	300		1.834.339.928	1.849.248.226
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.234.864.858	1.197.142.656
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	11	377.144.826	446.608.563
2. Phải trả người lao động	323		292.500.000	-
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	12	353.423.475	518.856.383
4. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		211.796.557	231.677.710
II. Nợ phải trả dài hạn	340		599.475.070	652.105.570
1. Dự phòng phải trả dài hạn	354	13	599.475.070	652.105.570
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		358.638.248.009	358.385.425.036
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	358.638.248.009	358.385.425.036
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	300.000.000.000
<i>a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>		<i>300.000.000.000</i>	<i>300.000.000.000</i>
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		3.067.491.977	3.067.491.977
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		3.067.491.976	3.067.491.976
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		52.503.264.056	52.250.441.083
<i>4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>		<i>52.503.264.056</i>	<i>52.250.441.083</i>
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		360.472.587.937	360.234.673.262

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
<i>Số lượng chứng khoán</i>				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006		30.000.000	30.000.000
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		32.069	35.510
3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		179	181
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
<i>Số lượng chứng khoán</i>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		169.851	267.056
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		169.851	267.056
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		26.808	28.690
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		26.808	28.690
Đồng Việt Nam				
3. Tiền gửi của khách hàng	026		388.149.370	515.076.995
3.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		1.669.186	1.664.325
3.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		386.480.184	513.412.670
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		386.480.184	513.412.670
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		388.149.370	515.076.995
4.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		388.149.370	515.076.995

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01		7.440.939	230.461
a. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		7.440.939	230.461
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		20.271.813.846	18.735.745.979
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		5.340.842	14.549.356
1.4. Thu nhập hoạt động khác	11		804.640.909	-
Cộng doanh thu hoạt động (20=01+02+06+11)	20		21.089.236.536	18.750.525.796
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Chi phí dự phòng tài sản tài chính	24		42.239.600	49.091.590
2.2. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		726.503.251	802.233.215
2.3. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		1.363.891	1.880.229
Cộng chi phí hoạt động (40=24+27+30)	40	15	770.106.742	853.205.034
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42		38.100.424	40.502.577
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=42)	50		38.100.424	40.502.577
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí tài chính khác	54		15.540.685	20.607.514
Cộng chi phí tài chính (60 = 54)	60		15.540.685	20.607.514
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN				
	62	16	20.088.866.560	19.453.238.880
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)				
	70		252.822.973	(1.536.023.055)
VII. TỔNG LÃI/(LỖ) KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70)				
	90		252.822.973	(1.536.023.055)
7.1. Lãi/(Lỗ) đã thực hiện	91		252.822.973	(1.536.023.055)
VIII. CHI PHÍ THUẾ TNDN				
	100		-	-
8.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	17	-	-
IX. LÃI/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)				
	200		252.822.973	(1.536.023.055)
Tổng lãi/(lỗ) toàn diện				
	400		252.822.973	(1.536.023.055)
Lãi/(Lỗ) toàn diện phân bổ cho cổ đông	401		252.822.973	(1.536.023.055)
X. LÃI/(LỖ) THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
	500		8	(51)
10.1. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	501		8	(51)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lãi/(Lỗ) trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01	252.822.973	(1.536.023.055)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	(12.275.455.856)	(11.346.889.743)
- Khấu hao TSCĐ	03	108.437.520	213.102.973
- Các khoản dự phòng	04	42.239.600	49.091.590
- Dự thu tiền lãi	08	(12.426.132.976)	(11.609.084.306)
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(12.022.632.883)	(12.882.912.798)
- Thay đổi tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	(9.418.800)	(1.350.450)
- Thay đổi các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	39.419.903.390	2.218.975.833
- Thay đổi các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	11.609.084.306	10.629.658.802
- Thay đổi các khoản phải thu khác	39	9.060.000	-
- Thay đổi các tài sản khác	40	(35.547.902)	(34.749.615)
- Thay đổi chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(165.432.908)	146.302.448
- Thay đổi chi phí trả trước	42	(27.761.946)	7.342.418
- Thay đổi phải trả cho người bán	45	(113.750.000)	-
- Thay đổi thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(69.463.737)	34.368.239
- Thay đổi phải trả người lao động	48	292.500.000	-
- Thay đổi phải trả, phải nộp khác	50	(19.881.153)	4.388.218
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	-	2.135.280
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(52.630.500)	(131.511.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	38.814.027.867	(7.352.625)
II. Tăng/(Giảm) tiền thuần trong năm	90	38.814.027.867	(7.352.625)
III. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	468.112.030	475.464.655
Tiền	101.1	468.112.030	475.464.655
IV. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	39.282.139.897	468.112.030
Tiền	103.1	325.739.897	468.112.030
Các khoản tương đương tiền	103.2	38.956.400.000	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	1.674.810.925	3.357.058.347
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	-	(1.730.034.482)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	(1.871.094.477)	(1.912.309.099)
4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	69.355.927	248.011.729
(Giảm) tiền thuần trong năm	20	(126.927.625)	(37.273.505)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	1.664.325	1.715.963
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	513.412.670	550.634.537
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40	388.149.370	515.076.995
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	1.669.186	1.664.325
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	386.480.184	513.412.670

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư cuối năm	
	2016	2017	Năm trước		Năm nay		2016	2017
			Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quý dự trữ bổ sung vốn điều lệ	3.067.491.977	3.067.491.977	-	-	-	-	3.067.491.977	3.067.491.977
3. Quý dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	3.067.491.976	3.067.491.976	-	-	-	-	3.067.491.976	3.067.491.976
4. Lợi nhuận chưa phân phối	53.786.464.138	52.250.441.083	-	(1.536.023.055)	252.822.973	-	52.250.441.083	52.503.264.056
	359.921.448.091	358.385.425.036	-	(1.536.023.055)	252.822.973	-	358.385.425.036	358.638.248.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015277 ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/UBCKNN-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 120/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 02 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 337/UBCK-GPĐCCTCK ngày 29 tháng 6 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 21 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 23 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán

Công ty thực hiện theo Điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2012 (“Thông tư 210 năm 2012”) và Điều 14 Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp hoặc góp vốn sở hữu tổ chức khác, trong đó không được sử dụng quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các công ty chưa niêm yết.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán (Tiếp theo)

e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

g) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và e Khoản 4 Điều 44 Thông tư 210 năm 2012. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;

b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);

c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều 44 và Điểm e Khoản 4 Điều 44 Thông tư 210 năm 2012.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 44 Thông tư 210 năm 2012 tối đa trong thời hạn một (01) năm.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Hoạt động chính của Công ty theo giấy phép kinh doanh là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Tuy nhiên, do tình hình thị trường chứng khoán những năm gần đây tại Việt Nam, Công ty gần như không có nguồn thu từ các hoạt động chính. Nguồn thu chủ yếu để duy trì hoạt động của Công ty là khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210 năm 2014”) về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) ngày 27 tháng 12 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC. Thông tư 210 năm 2014 và Thông tư 334 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Thông tư 210 năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Thông tư 334 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2016 và áp dụng cho năm tài chính 2016.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tuyên bố về tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố bốn (04) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố sáu (06) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố sáu (06) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố sáu (06) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố bốn (04) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn phục vụ cho hoạt động của Công ty.

Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại phát sinh sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản tài chính FVTPL trên Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM khi có các bằng chứng khách quan về sự giảm giá trị hợp lý của tài sản tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210 năm 2009”) về việc hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán và chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Dự phòng giảm giá tài sản tài chính được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2017
	(Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	6
Thiết bị văn phòng	5
Phương tiện vận tải	6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm ứng dụng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn đó.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là khoản thu nhập từ chênh lệch về mua bán chứng khoán tự doanh của Công ty. Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn là lãi thu được từ cổ phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ tư vấn được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ tư vấn liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn đó.

Doanh thu từ lãi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Doanh thu từ lãi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Hoạt động khác

Doanh thu hoạt động khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể khấu trừ với lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận tương ứng với số lỗ trên do Công ty không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	30.000.000	30.000.000
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	295.739.897	438.112.030
Tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng	38.956.400.000	-
	39.282.139.897	468.112.030

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	Trong năm nay	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
1. Chứng khoán của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	77.203	1.847.808.800
	77.203	1.847.808.800

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập báo cáo tài chính do Thông tư 210 năm 2009 chưa có hướng dẫn về phương pháp đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính. Theo đó, như hướng dẫn tại Thông tư 210 năm 2009, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục ghi nhận tài sản tài chính theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường.

6.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.587.476.800	2.587.476.800
PMT	2.584.400.000	2.584.400.000
Cổ phiếu khác (*)	3.076.800	3.076.800
Cổ phiếu niêm yết	24.571.950	15.153.150
VCB	9.621.000	202.200
QNC	2.264.400	2.264.400
VTS	1.944.800	1.944.800
SDP	1.683.300	1.683.300
Cổ phiếu khác (*)	9.058.450	9.058.450
	2.612.048.750	2.602.629.950

(*) Cổ phiếu khác bao gồm các cổ phiếu lô lẻ mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

6.2. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM) phản ánh các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng.

6.3. Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	12.426.132.976	11.609.084.306
Trả trước cho người bán (*)	113.750.000	-
Phải thu khác	-	9.060.000
	12.539.882.976	11.618.144.306

(*) Khoản trả trước 50% giá trị hợp đồng theo Hợp đồng Kinh tế Triển khai phần mềm kết nối trực tuyến với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam số 07122017/HĐKT/MSG-S-NVS ngày 07 tháng 12 năm 2017.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	886.962.732	859.200.786
Chi phí thuê văn phòng	371.910.000	338.100.000
Chi phí bảo hiểm	494.687.207	496.275.425
Các khoản chi phí trả trước khác	20.365.525	24.825.361
	886.962.732	859.200.786

8. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	98.961.437	98.961.437
Tiền nộp bổ sung	522.345.817	487.745.638
Tiền lãi phân bổ trong năm	35.547.902	34.600.179
	656.855.156	621.307.254

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	65.754.000	4.880.012.002	853.188.500	5.798.954.502
Số dư cuối năm	65.754.000	4.880.012.002	853.188.500	5.798.954.502
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	65.754.000	4.708.714.722	853.188.500	5.627.657.222
Khấu hao trong năm	-	73.413.120	-	73.413.120
Số dư cuối năm	65.754.000	4.782.127.842	853.188.500	5.701.070.342
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	-	171.297.280	-	171.297.280
Tại ngày cuối năm	-	97.884.160	-	97.884.160

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với giá trị là 5.431.888.902 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 5.431.888.902 VND).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Tổng (Phần mềm ứng dụng) VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	3.000.968.383
Số dư cuối năm	3.000.968.383
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	2.901.732.589
Khấu hao trong năm	35.024.400
Số dư cuối năm	2.936.756.989
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	99.235.794
Tại ngày cuối năm	64.211.394

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với giá trị là 2.825.846.383 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.825.846.383 VND).

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế thu nhập cá nhân	377.144.826	446.608.563
	377.144.826	446.608.563

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phí dịch vụ tư vấn và kiểm toán	274.562.200	346.104.000
Khác	78.861.275	172.752.383
	353.423.475	518.856.383

13. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	599.475.070	652.105.570
	599.475.070	652.105.570

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2016	300.000.000.000	3.067.491.977	3.067.491.976	53.786.464.138	359.921.448.091
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(1.536.023.055)	(1.536.023.055)
Tại ngày 01/01/2017	300.000.000.000	3.067.491.977	3.067.491.976	52.250.441.083	358.385.425.036
Lãi trong năm	-	-	-	252.822.973	252.822.973
Tại ngày 31/12/2017	300.000.000.000	3.067.491.977	3.067.491.976	52.503.264.056	358.638.248.009

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, các công ty chứng khoán phải trích lập quỹ dự trữ điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo tỷ lệ là 5% lợi nhuận sau thuế cho mỗi quỹ đến khi mỗi quỹ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty. Năm 2017, Công ty không trích lập các quỹ này do số lãi 252.822.973 VND từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chưa đủ bù đắp lỗ của năm 2015 và 2016.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy phép điều chỉnh số 337/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ (hay chính là vốn đầu tư của chủ sở hữu) của Công ty đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh		Vốn điều lệ đã góp	
	VND	%	VND	%
Cổ đông				
Morgan Stanley (Singapore) Holdings Pte. Ltd.	147.000.000.000	49	147.000.000.000	49
Bà Tô Minh Hương	60.000.000.000	20	60.000.000.000	20
Công ty TNHH Thanh Ba	93.000.000.000	31	93.000.000.000	31
	300.000.000.000	100	300.000.000.000	100

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	726.503.251	802.233.215
Chi phí hoạt động tự doanh	42.239.600	49.091.590
- <i>Trích lập dự phòng giảm giá tài sản tài chính</i>	42.239.600	49.091.590
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.363.891	1.880.229
	770.106.742	853.205.034

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	14.269.843.024	14.508.116.541
- <i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	12.238.804.842	12.693.854.899
- <i>BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ</i>	1.646.603.310	1.437.755.016
- <i>Chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp</i>	384.434.872	376.506.626
Chi phí văn phòng phẩm	166.809.120	84.635.800
Chi phí khấu hao TSCĐ	108.437.520	213.102.973
Chi phí thuê văn phòng	2.096.220.000	2.000.971.200
Chi phí thuế, phí và lệ phí	16.370.800	11.513.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.130.421.660	2.488.185.210
Chi phí khác	300.764.436	146.713.356
	20.088.866.560	19.453.238.880

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi/(Lỗ) trước thuế	252.822.973	(1.536.023.055)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:		
Thu nhập không chịu thuế	7.440.939	230.461
Chi phí trích trước không được khấu trừ trong năm trước	240.900.000	240.900.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc thực chi trong năm	52.630.500	12.450.000
Cộng:		
Các khoản chi phí không được khấu trừ	402.878.373	399.197.048
Thu nhập chịu thuế	354.729.907	(1.390.406.468)
Lỗ được chuyển trong năm	(354.729.907)	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	6.067.997.960	6.125.791.580

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Tổng Giám đốc
TÔ MINH HƯƠNG